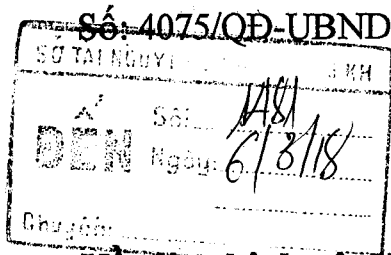


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Khánh Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thị xã Ninh Hoà.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ văn bản số 5630/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại về lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hoà tại Tờ trình số 4191/TTr-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017; Kết luận thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường về Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thị xã Ninh Hoà tại Thông báo số 470/TB-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Công văn số 6004/STNMT-CCQLĐĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hòa với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2018 (kèm theo Biểu 01)
2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 (kèm theo Biểu 02)
3. Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2018 (kèm theo Biểu 03)

4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích năm 2018 (kèm theo Biểu 04)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, UBND thị xã Ninh Hoà có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện việc công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai. Đồng thời, việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt; kiên quyết không giải quyết thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất các trường hợp không có trong kế hoạch sử dụng đất.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo kế hoạch được duyệt nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích. Đồng thời, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác giám sát sử dụng đất nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hoà; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá và Thể thao, Du lịch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VC, CN, HM, KN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đức Vinh

Kế hoạch thu hồi đất năm 2018 thị xã Ninh Hòa - tỉnh Khánh Hòa
(Kèm theo Quyết định số QĐ/UBND ngày tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)



STT	Chi tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính																										
				Phường Ninh Hiệp	Phường Ninh Hải	Phường Ninh Diêm	Phường Ninh Thủy	Phường Ninh Đa	Phường Ninh Giang	Phường Ninh Hà	Xã Ninh Sơn	Xã Ninh Tây	Xã Ninh Thượng	Xã Ninh An	Xã Ninh Thọ	Xã Ninh Trung	Xã Ninh Sơn	Xã Ninh Xuân	Xã Ninh Thành	Xã Ninh Đông	Xã Ninh Phương	Xã Ninh Bình	Xã Ninh Phước	Xã Ninh Phú	Xã Ninh Tân	Xã Ninh Quang	Xã Ninh Hưng	Xã Ninh Lạc	Xã Ninh Lớn	Xã Ninh Văn
A	Tổng diện tích thu hồi (A=1+2)		215,42	21,44	3,76	3,66	6,34	3,34	3,82	0,75	-	-	32,80	33,84	-	4,70	1,20	0,65	0,13	0,70	0,02	71,82	1,28	14,09	0,04	2,66	1,91	1,32	5,15	
1	Đất nông nghiệp	NNP	202,11	17,67	3,14	3,66	6,34	3,34	3,82	0,75	-	-	31,35	28,37	-	4,70	1,20	0,65	0,13	0,70	0,02	71,82	1,28	14,09	0,04	2,66	1,91	1,32	5,15	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	30,67	13,05	-	-	-	2,65	3,82	-	-	-	1,34	6,86	-	-	-	0,65	-	0,88	-	0,15	0,48	-	-	0,06	0,91	0,01	-	-
	Trong đó: đất chuyển trồng lúa nước	LUC	24,55	13,05	-	-	-	2,65	3,82	-	-	-	1,34	1,88	-	-	-	0,65	-	0,82	-	-	0,48	-	-	0,06	0,10	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	39,95	-	-	-	-	0,35	-	-	-	-	5,40	2,68	-	3,95	-	-	-	0,01	0,01	24,15	-	-	0,02	1,60	0,26	0,47	1,05	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	63,27	4,82	-	-	5,99	0,34	-	-	-	-	2,97	10,30	-	0,75	-	-	0,13	0,01	0,01	20,31	-	14,09	0,01	1,00	0,24	0,03	2,47	
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	59,89	-	1,02	-	0,35	-	-	0,35	-	-	21,64	6,34	-	-	-	-	-	-	-	27,21	0,70	-	-	-	-	0,45	1,63	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4,17	-	2,12	0,80	-	-	-	0,40	-	-	-	0,19	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,50	0,16	-	
1.6	Đất làm muối	LMU	2,86	-	-	2,86	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Đất phi nông nghiệp	PNM	13,31	3,77	0,82	-	-	-	-	-	-	-	1,45	7,47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,81	0,63	0,18	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.2	Đất phát triển hạ tầng	DHT	5,45	1,85	0,44	-	-	-	-	-	-	-	1,45	1,60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Trong đó:	DBV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	5,68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,60	0,60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,98	0,54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.6	Đất sinh hoạt công cộng	DSH	0,05	0,05	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-	-	-	-	-	-	-	

